

Bản án số: 152/2023/DS-ST  
Ngày: 07 – 6 – 2023  
V/v tranh chấp hợp đồng hợp tác  
kinh doanh

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Ngọc Tuấn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đỗ Thị Kim Nhàn;
2. Ông Nguyễn Lương Quân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Kim Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân:** Bà Nguyễn Kim Oanh – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 1.

Trong các ngày 10 tháng 5 và ngày 07 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2022/DSST ngày 27 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2535/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 3159/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn S;

Địa chỉ: Số 219 đường T, phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp:* Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm: 1978;

Địa chỉ: Số 25/40 đường N, phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh - Văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 6 năm 2022. (có mặt)

*2. Bị đơn:* Ông Trần Bảo H, sinh năm: 1993;

Địa chỉ: Số 219 đường T, phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Huệ K, sinh năm: 1954;

Địa chỉ: Số 36 đường C, phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*\* Trong đơn khởi kiện ngày 21 tháng 6 năm 2022; đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 08 tháng 02 năm 2023; quá trình tố tụng đại diện nguyên đơn trình bày:*

Ngày 01 tháng 5 năm 2022, nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn S và bị đơn ông Trần Bảo H ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06, với nội dung: Nguyên đơn có cơ sở kinh doanh và các trang thiết bị tại số 219 T, phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh để bị đơn sử dụng vào mục đích kinh doanh ăn uống. Thời hạn hợp đồng là 03 năm 08 tháng (kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025), ngày có hiệu lực của hợp đồng ngay khi các bên ký là ngày 16 tháng 4 năm 2022. Chi phí phân chia lợi nhuận và khấu hao mặt bằng, mỗi kỳ (01 tháng) bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 75.000.000 đồng/tháng, đến tháng 01 năm 2023 tăng thành 80.000.000 đồng/tháng, việc thanh toán tiền được thực hiện từ ngày 01 đến ngày 05 mỗi tháng. Chi phí điện, nước, điện thoại, internet và các chi phí khác bị đơn chịu theo thực tế sử dụng. Bị đơn đã đặt cọc được 03 tháng với số tiền 225.000.000 đồng và trả tiền trước 01 tháng là 75.000.000 đồng. Ngoài ra, hợp đồng còn quy định các điều khoản khác mà các bên đã thỏa thuận.

Sau khi ký hợp đồng, nguyên đơn đã bàn giao cơ sở kinh doanh và các trang thiết bị khác (theo biên bản bàn giao tài sản cho mượn ngày 26 tháng 4 năm 2022) cho bị đơn để tiến hành kinh doanh. Theo tiểu mục 1.5.1, mục 1.5, Điều 1 của hợp đồng, bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn chi phí phân chia lợi nhuận và khấu hao mặt bằng từ ngày 01 đến ngày 05 mỗi tháng nhưng đến ngày 05 tháng 6 năm 2022 bị đơn không thanh toán. Ngày 07 tháng 6 năm 2022, nguyên đơn có văn bản gửi qua đường bưu điện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền phân chia lợi nhuận theo thỏa thuận nhưng bị đơn vẫn không thanh toán. Đến ngày 09 tháng 6 năm 2022, bị đơn phản hồi thông qua ứng dụng Zalo đã nhận được văn bản của nguyên đơn nhưng vẫn không thanh toán mà đưa ra những vấn đề không rõ ràng, nhằm trốn tránh việc thanh toán chi phí phân chia lợi nhuận. Ngày 13 tháng 6 năm 2022, nguyên đơn tiếp tục có văn bản yêu cầu bị đơn thanh toán lần 2 gửi qua Zalo, bị đơn đã phản hồi qua tin nhắn Zalo nhưng vẫn không thanh toán. Đến ngày 16 tháng 6 năm 2022, nguyên đơn tiếp tục có văn bản gửi yêu cầu bị đơn thanh toán lần 3, đồng thời viện dẫn mục 3.2 Điều 3 của hợp đồng trường hợp bị đơn chậm thanh toán sau 15 ngày, tức đến hết ngày 20 tháng 6 năm 2022 thì nguyên đơn được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, bị đơn có trách nhiệm bàn giao lại cơ sở kinh doanh và các trang thiết bị đã bàn giao cho nguyên đơn và buộc bị đơn phải rời khỏi cơ sở kinh doanh.

Nguyên đơn đã ba lần có văn bản yêu cầu bị đơn thanh toán chi phí phân chia lợi nhuận nhưng bị đơn không có thiện chí để thương lượng, thỏa thuận giải quyết vụ việc. Theo mục 3.2, Điều 3 của hợp đồng các bên đã thỏa thuận: “*Nếu Bên B*

*chậm trả tiền thuê mặt bằng sau 15 ngày thì Bên A được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng. Bên B phải giao trả lại cho Bên A toàn bộ mặt bằng và mất tiền đặt cọc".* Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nguyên đơn khởi kiện yêu cầu:

- Tuyên chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06, ngày 01 tháng 5 năm 2022 các bên đã ký, buộc bị đơn bàn giao lại nguyên trạng cơ sở kinh doanh tại số 219 T, phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh và các trang thiết bị nguyên đơn đã bàn giao [(theo biên bản bàn giao tài sản cho mượn ngày 26 tháng 4 năm 2022, bao gồm: 01 bộ máy vi tính, 01 bộ máy in bill, 01 két tiền, 05 loa JBL (Mỹ), 02 bộ âm ly điều chỉnh AT, 07 camera, 01 máy xay sinh tố, 01 máy ép trái cây, 01 lò chiên bằng điện, 01 cân đồng hồ, 02 kệ sắt, 08 rổ đựng trái cây, 01 bình nấu nước, 01 tủ đông Alaska, 01 tủ mát, 01 thùng đựng đá Inox, 01 tủ quầy thu ngân gỗ, 01 kệ quầy, 05 quạt treo tường, 01 quạt đứng Boss (Nhật), 02 máy lạnh Panasonic, 75 ghế xếp khung Inox, 01 máy lọc nước Lavie, 43 chậu cây cảnh, 12 bình shisha, 01 lò đốt than Inox, 02 tủ phục vụ, 18 bàn sắt mặt tròn, 18 chân bàn sắt tròn, 11 bàn tròn nhỏ, 07 bàn mặt gỗ, 02 bàn trắng gỗ, 37 ghế gỗ, 06 thùng rác, 02 máy xịt mùi thơm, 02 bộ thiết bị Wifi, 08 bình chữa cháy)].

- Buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn chi phí phân chia lợi nhuận và khấu hao mặt bằng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06, ngày 01 tháng 5 năm 2022 các bên đã ký, tạm tính từ ngày 01 tháng 6 năm 2022 cho đến ngày 07 tháng 6 năm 2023 là 980.000.000 đồng, [(cụ thể: Kỳ tháng 6 năm 2022 là 50.000.000 đồng, kỳ tháng 7 năm 2022 là 75.000.000 đồng, kỳ tháng 8 năm 2022 là 75.000.000 đồng, kỳ tháng 9 năm 2022 là 75.000.000 đồng, kỳ tháng 10 năm 2022 là 75.000.000 đồng, kỳ tháng 11 năm 2022 là 75.000.000 đồng, kỳ tháng 12 năm 2022 là 75.000.000 đồng, kỳ tháng 01 năm 2023 là 80.000.000 đồng, kỳ tháng 02 năm 2023 là 80.000.000 đồng, kỳ tháng 3 năm 2023 là 80.000.000 đồng, kỳ tháng 4 năm 2023 là 80.000.000 đồng, kỳ tháng 5 năm 2023 là 80.000.000 đồng)].

- Nguyên đơn được sở hữu toàn bộ số tiền bị đơn đã đặt cọc là 225.000.000 đồng.

*\* Quá trình tố tụng bị đơn vắng mặt nhưng trong đơn đề nghị ngày 05 tháng 12 năm 2022, bị đơn trình bày:*

Bị đơn đã nhận được Thông báo số: 7017/TB-TA ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 07 tháng 12 năm 2022, nhưng do công tác đột xuất nên đề nghị được dời phiên họp sang tuần tiếp theo.

*\* Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Huệ Kinh có đơn xin vắng mặt nhưng trong bản tự khai ngày 03 tháng 3 năm 2023, bà Trương Huệ Kinh trình bày:*

Căn nhà số 219 T, phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc của bà K và bà Phùng Mỹ D nhận chuyển nhượng của ông Ngô Chánh theo

hợp đồng mua bán chuyển nhượng nhà số 3726/HĐ-MBN được phòng công chứng Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số 42289, quyển số 09 ngày 13 tháng 6 năm 1997, đăng ký tại Sở Nhà đất Thành phố Hồ Chí Minh theo quyển số 15, tờ số 7164 ngày 14 tháng 7 năm 1997. Ngày 02 tháng 7 năm 2014, bà D đã ủy quyền cho bà K được toàn quyền thay mặt và nhân danh bà D quản lý, sử dụng, cho thuê, thanh lý hợp đồng thuê, quyết định các vấn đề liên quan đến căn nhà nên bà K đã cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S mượn căn nhà trên để kinh doanh ăn uống theo hợp đồng cho mượn nhà ngày 22 tháng 9 năm 2020.

Công ty trách nhiệm hữu hạn S ký với ông Trần Bảo H hợp đồng hợp tác kinh doanh, để ông Hoàng sử dụng căn nhà trên và các trang thiết bị liên quan kinh doanh. Việc Công ty trách nhiệm hữu hạn S và ông Trần Bảo H tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh, bà K không có ý kiến. Công ty trách nhiệm hữu hạn S mượn nhà, bà K đã đồng ý để Công ty trách nhiệm hữu hạn S kinh doanh theo quy định của pháp luật, kể cả việc sử dụng căn nhà trên làm trụ sở, địa điểm hợp tác kinh doanh, cho thuê, cho thuê lại. Bà K cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S mượn nhà trong thời gian từ ngày 22 tháng 9 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025. Trường hợp yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn S được chấp nhận thì căn nhà trên được bàn giao cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S sử dụng đến hết ngày mượn nhà là ngày 31 tháng 12 năm 2025. Do bà K đã có bản khai nên xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

\* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng nhưng ông Hoàng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

\* Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06 ngày 01 tháng 5 năm 2022, kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2022 do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán chi phí phân chia lợi nhuận và khấu hao mặt bằng; bị đơn đã thanh toán chi phí phân chia lợi nhuận được một kỳ trong tháng 6 năm 2022 là 50.000 đồng (số tiền này được tại mục 1.6 Điều 1 của hợp đồng hợp tác kinh doanh) nên bị đơn phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán chi phí phân chia lợi nhuận tạm tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2022 đến ngày 31 tháng 5 năm 2023 là 850.000.000 đồng, [(cụ thể: Kỳ tháng 7 năm 2022 là 75.000.000 đồng, kỳ tháng 8 năm 2022 là 75.000.000 đồng, kỳ tháng 9 năm 2022 là 75.000.000 đồng, kỳ tháng 10 năm 2022 là 75.000.000 đồng, kỳ tháng 11 năm 2022 là 75.000.000 đồng, kỳ tháng 12 năm 2022 là 75.000.000 đồng, kỳ tháng 01 năm 2023 là 80.000.000 đồng, kỳ tháng 02 năm 2023 là 80.000.000 đồng, kỳ tháng 3 năm 2023 là 80.000.000 đồng, kỳ tháng 4 năm 2023 là 80.000.000 đồng, kỳ tháng 5 năm 2023 là 80.000.000 đồng)] và tiếp tục thanh toán cho đến khi bàn giao lại cơ sở kinh doanh; do không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ được đối với cơ sở kinh doanh tại căn nhà số 219 T, phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí

Minh nên yêu cầu bị đơn bàn giao lại cơ sở kinh doanh cho nguyên đơn theo hiện trạng thực tế ghi nhận tại thời điểm thi hành án. Đồng thời, nguyên đơn xin rút lại yêu cầu buộc bị đơn trả lại các trang thiết bị nguyên đơn đã bàn giao theo biên bản bàn giao tài sản cho mượn ngày 26 tháng 4 năm 2022, [(theo biên bản bàn giao tài sản cho mượn ngày 26 tháng 4 năm 2022, bao gồm: 01 bộ máy vi tính, 01 bộ máy in bill, 01 két tiền, 05 loa JBL (Mỹ), 02 bộ âm ly điều chỉnh AT, 07 camera, 01 máy xay sinh tố, 01 máy ép trái cây, 01 lò chiên bằng điện, 01 cân đồng hồ, 02 kệ sắt, 08 rổ đựng trái cây, 01 bình nấu nước, 01 tủ đông Alaska, 01 tủ mát, 01 thùng đựng đá Inox, 01 tủ quầy thu ngân gỗ, 01 kệ quầy, 05 quạt treo tường, 01 quạt đứng Boss (Nhật), 02 máy lạnh Panasonic, 75 ghế xếp khung Inox, 01 máy lọc nước Lavie, 43 chậu cây cảnh, 12 bình shisha, 01 lò đốt than Inox, 02 tủ phục vụ, 18 bàn sắt mặt tròn, 18 chân bàn sắt tròn, 11 bàn tròn nhỏ, 07 bàn mặt gỗ, 02 bàn trắng gỗ, 37 ghế gỗ, 06 thùng rác, 02 máy xịt mùi thơm, 02 bộ thiết bị Wifi, 08 bình chữa cháy)]. Ngoài ra, đại diện nguyên đơn xác định thời hạn có hiệu lực của hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06 ngày 01 tháng 5 năm 2022 là ngày 01 tháng 5 năm 2022.

Bị đơn ông Hoàng vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà K có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định; bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án dù đã được triệu tập hợp lệ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà K có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; căn cứ lời trình bày đại diện của các đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Tuyên bố chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06, ngày 01 tháng 5 năm 2022 kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2022, buộc bị đơn bàn giao lại cho nguyên đơn cơ sở kinh doanh tại căn nhà số 219 T, phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh theo hiện trạng thực tế ghi nhận tại thời điểm thi hành án.

- Buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn chi phí phân chia lợi nhuận và khấu hao mặt bằng còn nợ theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06, ngày 01 tháng 5 năm 2022, tạm tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2022 cho đến ngày 31 tháng 5 năm 2023 là 850.000.000 đồng, [(cụ thể: Kỳ tháng 7 năm 2022 là 75.000.000 đồng, kỳ tháng 8 năm 2022 là 75.000.000 đồng, kỳ tháng 9 năm 2022 là 75.000.000 đồng, kỳ tháng 10 năm 2022 là 75.000.000 đồng, kỳ tháng 11 năm 2022 là 75.000.000 đồng)].

đồng, kỳ tháng 12 năm 2022 là 75.000.000 đồng, kỳ tháng 01 năm 2023 là 80.000.000 đồng, kỳ tháng 02 năm 2023 là 80.000.000 đồng, kỳ tháng 3 năm 2023 là 80.000.000 đồng, kỳ tháng 4 năm 2023 là 80.000.000 đồng, kỳ tháng 5 năm 2023 là 80.000.000 đồng)] và tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn số tiền tương ứng với số tiền chi phí phân chia lợi nhuận và khấu hao mặt bằng trong thời gian chiếm giữ cơ sở kinh doanh cho đến khi giao trả lại cho nguyên đơn.

- Nguyên đơn được sở hữu toàn bộ số tiền bị đơn đã đặt cọc là 225.000.000 đồng.

- Đình chỉ xét xử yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả lại các trang thiết bị nguyên đơn đã bàn giao theo biên bản bàn giao tài sản cho mượn ngày 26 tháng 4 năm 2022, [(theo biên bản bàn giao tài sản cho mượn ngày 26 tháng 4 năm 2022, bao gồm: 01 bộ máy vi tính, 01 bộ máy in bill, 01 két tiền, 05 loa JBL (Mỹ), 02 bộ âm ly điều chỉnh AT, 07 camera, 01 máy xay sinh tố, 01 máy ép trái cây, 01 lò chiên bằng điện, 01 cân đồng hồ, 02 kệ sắt, 08 rổ đựng trái cây, 01 bình nấu nước, 01 tủ đông Alaska, 01 tủ mát, 01 thùng đựng đá Inox, 01 tủ quây thu ngân gỗ, 01 kệ quây, 05 quạt treo tường, 01 quạt đứng Boss (Nhật), 02 máy lạnh Panasonic, 75 ghế xếp khung Inox, 01 máy lọc nước Lavie, 43 chậu cây cảnh, 12 bình shisha, 01 lò đốt than Inox, 02 tủ phục vụ, 18 bàn sắt mặt tròn, 18 chân bàn sắt tròn, 11 bàn tròn nhỏ, 07 bàn mặt gỗ, 02 bàn trắng gỗ, 37 ghế gỗ, 06 thùng rác, 02 máy xịt mùi thơm, 02 bộ thiết bị Wifi, 08 bình chữa cháy)].

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### ***[1] Về pháp luật tố tụng***

[1.1] Xét, đơn khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh. Xét, đối tượng tranh chấp là căn nhà số 219 T, phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Xét, bà Trương Huệ Kinh có đơn xin được xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Kinh, bị đơn theo quy định của pháp luật tố tụng.

[1.3] Xét, trong đơn khởi kiện ngày 21 tháng 6 năm 2022 nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán chi phí phân chia lợi nhuận từ ngày 01 tháng 6 năm 2022 đến ngày bị đơn bàn giao lại cơ sở kinh doanh tạm tính là 75.000.000 đồng, nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí. Đến ngày 08 tháng 02 năm 2023, nguyên đơn tiếp tục có đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán chi

phí phân chia lợi nhuận từ ngày 01 tháng 6 năm 2022 đến tháng 02 năm 2023 tạm tính là 660.000.000 đồng, ngày 15 tháng 02 năm 2023 Tòa án đã ban hành thông báo tạm ứng án phí, đã tổng đạt cho nguyên đơn nhưng đến ngày 24 tháng 02 năm 2023 nguyên đơn nộp đơn xin hoãn nộp tạm ứng án phí do khó khăn về tài chính, đến ngày 29 tháng 5 năm 2023 nguyên đơn có đơn xin được tiếp tục đóng tạm ứng án phí với số tiền là chi phí phân chia lợi nhuận tạm tính đến tháng 4 năm 2023. Do đó, xét việc nguyên đơn chậm nộp tiền tạm ứng án phí yêu cầu bổ sung là nguyên nhân khách quan, nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 145, Điều 146 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên Hội đồng xét xử xét có căn cứ để xét yêu cầu của nguyên đơn.

## **[2] Về pháp luật nội dung**

Xét, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xét, căn cứ văn bản số 2046/UBND-TNMT ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Quận 1 thì căn nhà số 219 T, phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Đàm Vinh và bà Tô Muối cho lại bà Ngô Chánh theo giấy phép mua bán, chuyển dịch nhà cửa số 642/GPUB ngày 11 tháng 8 năm 1984 do Ủy ban nhân dân Quận 1 cấp. Đến ngày 13 tháng 6 năm 1997 bà Ngô Chánh bán lại căn nhà trên cho bà Trương Huệ Kinh và bà Phùng Mỹ D theo hợp đồng mua bán chuyển nhượng nhà công chứng số 3726/HĐ-MBN do Phòng công chứng nhà nước số 1 lập, đăng ký tại Sở nhà đất thành phố ngày 14 tháng 7 năm 1997 nên có cơ sở để khẳng định căn nhà trên là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Kinh, bà D theo quy định tại Điều 158 Bộ luật Dân sự.

[2.2]. Xét, ngày 02 tháng 7 năm 2014 bà D đã ủy quyền cho bà K được quyền thay mặt và nhân danh bà D quản lý, sử dụng, cho thuê, thanh lý hợp đồng thuê, xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất căn nhà số 219 T, phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 10 năm kể từ ngày 02 tháng 7 năm 2014 theo hợp đồng ủy quyền số công chứng 0102260, quyển số 03 tại Văn phòng công chứng Gia Định nên quyền và nghĩa vụ giữa các bên trong quan hệ ủy quyền đã phát sinh là phù hợp quy định tại Điều 562 Bộ luật Dân sự.

[2.3]. Xét, sau khi bà D ủy quyền cho bà Kinh, bà K đã cho bà Võ Thị Ngọc N là đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn S mượn căn nhà số 219 T, phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh để làm cơ sở kinh doanh ăn uống, trong thời hạn từ ngày 22 tháng 9 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo hợp đồng thỏa thuận cho mượn nhà ngày 22 tháng 9 năm 2020 là phù hợp quy định tại Điều 494 Bộ luật Dân sự nên phát sinh hiệu lực.

[2.4]. Xét, sau khi được bà K ký hợp đồng thỏa thuận cho mượn nhà ngày 22 tháng 9 năm 2020 thì đến ngày 01 tháng 5 năm 2022, bà N là đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn S ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06 với bị đơn để bị đơn sử dụng cơ sở kinh doanh và các trang thiết bị tại số 219 T,

phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh vào mục đích kinh doanh ăn uống. Bị đơn đã nhận được thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhưng không có ý kiến phản hồi nên có cơ sở khẳng định việc các bên ký hợp đồng hợp tác kinh doanh là có thật phù hợp quy định tại Điều 504, Điều 505 Bộ luật Dân sự nên phát sinh hiệu lực.

[2.5]. Xét, theo tiêu mục 1.3.1, mục 1.3, Điều 1 của hợp đồng hợp tác kinh doanh thì thời hạn của hợp đồng là 03 năm 08 tháng (từ ngày 01 tháng 5 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025). Tuy nhiên, tại mục 1.4, Điều 1 của hợp đồng hợp tác kinh doanh lại ghi hợp đồng có hiệu lực ngay sau khi hai bên ký (kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025), tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xác nhận ngày có hiệu lực của hợp đồng là ngày 01 tháng 5 năm 2022 là phù hợp theo thỏa thuận ghi nhận trong hợp đồng hợp tác.

[2.6]. Xét, theo tiêu mục 1.5.1, mục 1.5, Điều 1 của hợp đồng hợp tác kinh doanh, bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn chi phí phân chia lợi nhuận và khấu hao mặt bằng theo thỏa thuận từ ngày 01 đến ngày 05 mỗi tháng, nguyên đơn đã ba lần thông báo và yêu cầu bị đơn thanh toán. Bị đơn đã xác nhận nội dung thông báo do nguyên đơn gửi bằng phản hồi thông qua ứng dụng Zalo vào ngày 09 tháng 6 năm 2022 và ngày 13 tháng 6 năm 2022 nhưng bị đơn vẫn không thanh toán. Ngoài số tiền bị đơn đã thanh toán trước 01 kỳ tháng 6 năm 2022 là 50.000.000 đồng sau khi nguyên đơn đã giảm cùng với số tiền đặt cọc được ghi nhận trong hợp đồng thì bị đơn không thanh toán thêm khoản nào nữa. Xét, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán chi phí phân chia lợi nhuận và khấu hao mặt bằng theo thỏa thuận, tạm tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2022 cho đến ngày 31 tháng 5 năm 2023 là 850.000.000 đồng, bao gồm các kỳ từ tháng 7 đến tháng 12 năm 2022 mỗi kỳ là 75.000.000 đồng/tháng và từ kỳ tháng 01 đến tháng 5 năm 2023 là 80.000.000 đồng/tháng. Do đó nguyên đơn đã thông báo cho bị đơn quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2022 và yêu cầu bị đơn thanh toán chi phí phân chia lợi nhuận và khấu hao mặt bằng tạm tính từ kỳ tháng 7 năm 2022 đến kỳ tháng 5 năm 2023 với số tiền 850.000.000 đồng và tiếp tục thanh toán số tiền tương ứng với số tiền chi phí phân chia lợi nhuận và khấu hao mặt bằng trong thời gian chiếm giữ cơ sở kinh doanh cho đến khi giao trả lại cho nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2.7]. Xét, như phân tích tại mục [2.6] bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán chi phí phân chia lợi nhuận và khấu hao mặt bằng nên nguyên đơn được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn. Theo mục 3.2, Điều 3 của hợp đồng hợp tác các bên đã thỏa thuận: *“Nếu Bên B chậm trả tiền thuê mặt bằng sau 15 ngày thì Bên A được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng. Bên B phải giao trả lại cho Bên A toàn bộ mặt bằng và mất tiền đặt cọc”*. Do bị đơn đã vi phạm điều khoản thanh toán được ghi nhận trong hợp đồng, nguyên đơn đã đơn phương chấm dứt hợp đồng do lỗi trực tiếp từ bị đơn nên bị đơn phải tự gánh chịu hậu quả pháp lý do hành vi trái pháp



luật của bị đơn gây ra. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn đòi sở hữu toàn bộ số tiền bị đơn đã đặt cọc là 225.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[2.8]. Xét, căn nhà số 219 T, phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bà K và bà D nên việc giao trả nhà thì bị đơn phải có nghĩa vụ giao trả cho chủ sở hữu là bà K và bà Dung, nhưng trong bản tự khai ngày 03 tháng 3 năm 2023 bà K thừa nhận căn nhà số 219 T, phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh bà đã cho bà N là giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn S mượn để kinh doanh ăn uống, kể cả việc bà N sử dụng căn nhà trên làm trụ sở, địa điểm hợp tác kinh doanh, cho thuê, cho thuê lại nên bị đơn phải giao trả lại căn nhà trên cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S sử dụng đến hết thời gian mượn là ngày 31 tháng 12 năm 2025. Xét, bà K đề nghị bị đơn giao trả căn nhà trên cho nguyên đơn là ý chí của chủ sở hữu nên được tôn trọng, phù hợp quy định của pháp luật nên yêu cầu buộc bị đơn giao trả lại cơ sở kinh doanh tại căn nhà số 219 T, phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cho nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Mặc dù, thời gian bà D ủy quyền cho bà K là 10 năm kể từ năm 2014 đến năm 2024, nhưng thời gian bà K cho bà N mượn nhà vượt quá thời gian bà D ủy quyền là 01 năm, tức đến năm 2025 mới hết hạn. Do đó, việc ủy quyền giữa bà D và bà K có phát sinh tranh chấp thì dành cho các bên trong vụ án khác.

[2.9] Xét, ngày 11 tháng 8 năm 2022 Tòa án nhân dân Quận 1 đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ hiện trạng cơ sở kinh doanh tại căn nhà số 219 T, phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh là đối tượng tranh chấp trong vụ án để đảm bảo quyền lợi của các đương sự nhưng bị đơn không hợp tác nên việc xem xét, thẩm định tại chỗ không thực hiện được. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xác định hiện trạng thực tế cơ sở kinh doanh tại căn nhà số 219 T, phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh theo yêu cầu của nguyên đơn. Đồng thời, tại phiên tòa nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị đơn giao trả căn nhà trên theo hiện trạng thực tế ghi nhận tại thời điểm thi hành án là phù hợp với các điều kiện cần thiết tại giai đoạn thi hành án nên được chấp nhận.

[2.10] Xét, theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến làm việc, lấy lời khai về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, việc các bên ký hợp đồng hợp tác kinh doanh, chia phân chia lợi nhuận và khấu hao mặt bằng căn nhà số 219 T, phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, số tiền lợi nhuận được phân chia bị đơn còn nợ nguyên đơn, nhưng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án dù được tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không đến tòa để làm việc, cũng không có văn bản cho Tòa án biết ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trong khi nghĩa vụ chứng minh thuộc trách nhiệm của bị đơn. Việc bị đơn vắng mặt không đến tòa là tự từ bỏ quyền được chứng minh nên phải tự gánh chịu hậu quả bất lợi theo quy định của pháp luật. Xét, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án chỉ giải quyết vụ án theo những chứng cứ, tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án nên yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng kinh doanh là phù hợp quy định nên có cơ sở để chấp nhận.

[2.11] Xét, về yêu cầu buộc bị đơn trả lại các trang thiết bị nguyên đơn đã bàn giao theo biên bản bàn giao tài sản cho mượn ngày 26 tháng 4 năm 2022, [(theo biên bản bàn giao tài sản cho mượn ngày 26 tháng 4 năm 2022, bao gồm: 01 bộ máy vi tính, 01 bộ máy in bill, 01 két tiền, 05 loa JBL (Mỹ), 02 bộ âm ly điều chỉnh AT, 07 camera, 01 máy xay sinh tố, 01 máy ép trái cây, 01 lò chiên bằng điện, 01 cân đồng hồ, 02 kệ sắt, 08 rổ đựng trái cây, 01 bình nấu nước, 01 tủ đông Alaska, 01 tủ mát, 01 thùng đựng đá Inox, 01 tủ quây thu ngân gỗ, 01 kệ quây, 05 quạt treo tường, 01 quạt đứng Boss (Nhật), 02 máy lạnh Panasonic, 75 ghế xếp khung Inox, 01 máy lọc nước Lavie, 43 chậu cây cảnh, 12 bình shisha, 01 lò đốt than Inox, 02 tủ phục vụ, 18 bàn sắt mặt tròn, 18 chân bàn sắt tròn, 11 bàn tròn nhỏ, 07 bàn mặt gỗ, 02 bàn trắng gỗ, 37 ghế gỗ, 06 thùng rác, 02 máy xịt mùi thơm, 02 bộ thiết bị Wifi, 08 bình chữa cháy)]; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa nguyên đơn xin rút lại yêu cầu buộc bị đơn trả lại các trang thiết bị nguyên đơn đã bàn giao theo biên bản bàn giao tài sản cho mượn ngày 26 tháng 4 năm 2022. Xét, việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu nguyên đơn đã rút.

[2.12] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[2.13] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên bố chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06, ngày 01 tháng 5 năm 2022 kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2022; buộc bị đơn bàn giao lại cho nguyên đơn cơ sở kinh doanh tại căn nhà số 219 T, phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh theo hiện trạng thực tế ghi nhận tại thời điểm thi hành án; buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn chi phí phân chia lợi nhuận và khấu hao mặt bằng còn nợ theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06, ngày 01 tháng 5 năm 2022, tạm tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2022 cho đến ngày 31 tháng 5 năm 2023 là 850.000.000 đồng và tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn số tiền tương ứng với số tiền chi phí phân chia lợi nhuận và khấu hao mặt bằng trong thời gian chiếm giữ cơ sở kinh doanh cho đến khi giao trả lại cho nguyên đơn; nguyên đơn được sở hữu toàn bộ số tiền bị đơn đã đặt cọc là 225.000.000 đồng; đình chỉ xét xử yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả lại các trang thiết bị nguyên đơn đã bàn giao theo biên bản bàn giao tài sản cho mượn ngày 26 tháng 4 năm 2022.

### **[3] Về chi phí tố tụng:**

Căn cứ Điều 155, Điều 156, khoản 1 Điều 158 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cơ sở kinh doanh tại số 219 T, phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng nguyên đơn tự nguyện chịu và đã nộp đủ nên ghi nhận.

**[4] Về án phí:**

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tranh chấp về hợp đồng hợp tác kinh doanh do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

**[5] Về quyền kháng cáo:**

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 145, Điều 146, khoản 1 Điều 147, Điều 155, Điều 156, khoản 1 Điều 158, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 158, Điều 162, Điều 494, Điều 504, Điều 505, Điều 507 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn S:

1.1. Tuyên bố chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06, ngày 01 tháng 5 năm 2022 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn S và ông Trần Bảo H kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2022.

1.2. Buộc ông Trần Bảo H phải giao trả lại toàn bộ cơ sở kinh doanh tại căn nhà số 219 T, phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh theo hiện trạng thực tế ghi nhận tại thời điểm thi hành án cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S.

1.3. Buộc ông Trần Bảo H phải thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S chi phí phân chia lợi nhuận và khấu hao mặt bằng còn nợ theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06, ngày 01 tháng 5 năm 2022, tạm tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2022 cho đến ngày 31 tháng 5 năm 2023 là 850.000.000đ (tám trăm năm mươi triệu đồng), [(cụ thể: Kỳ tháng 7 năm 2022 là 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng), kỳ tháng 8 năm 2022 là 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng), kỳ tháng 9 năm 2022 là 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng), kỳ tháng 10 năm 2022 là 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng), kỳ tháng 11 năm 2022 là 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng), kỳ tháng 12 năm 2022 là 75.000.000đ (bảy mươi lăm

triệu đồng), kỳ tháng 01 năm 2023 là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng), kỳ tháng 02 năm 2023 là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng), kỳ tháng 3 năm 2023 là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng), kỳ tháng 4 năm 2023 là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng), kỳ tháng 5 năm 2023 là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng)]; ông Trần Bảo H có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S số tiền tương ứng với số tiền chi phí phân chia lợi nhuận và khấu hao mặt bằng trong thời gian chiếm giữ cơ sở kinh doanh tại căn nhà số 219 T, phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến khi giao trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S.

1.4. Công ty trách nhiệm hữu hạn S được sở hữu toàn bộ số tiền mà ông Trần Bảo H đã đặt cọc là 225.000.000đ (hai trăm hai mươi lăm triệu đồng).

1.5. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn S buộc ông Trần Bảo H trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S các trang thiết bị đã bàn giao theo biên bản bàn giao tài sản cho mượn ngày 26 tháng 4 năm 2022, [(theo biên bản bàn giao tài sản cho mượn ngày 26 tháng 4 năm 2022, bao gồm: 01 bộ máy vi tính, 01 bộ máy in bill, 01 két tiền, 05 loa JBL (Mỹ), 02 bộ âm ly điều chỉnh AT, 07 camera, 01 máy xay sinh tố, 01 máy ép trái cây, 01 lò chiên bằng điện, 01 cân đồng hồ, 02 kệ sắt, 08 rổ đựng trái cây, 01 bình nấu nước, 01 tủ đông Alaska, 01 tủ mát, 01 thùng đựng đá Inox, 01 tủ quày thu ngân gỗ, 01 kệ quày, 05 quạt treo tường, 01 quạt đứng Boss (Nhật), 02 máy lạnh Panasonic, 75 ghế xếp khung Inox, 01 máy lọc nước Lavie, 43 chậu cây cảnh, 12 bình shisha, 01 lò đốt than Inox, 02 tủ phục vụ, 18 bàn sắt mặt tròn, 18 chân bàn sắt tròn, 11 bàn tròn nhỏ, 07 bàn mặt gỗ, 02 bàn trắng gỗ, 37 ghế gỗ, 06 thùng rác, 02 máy xịt mùi thơm, 02 bộ thiết bị Wifi, 08 bình chữa cháy)].

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty trách nhiệm hữu hạn S cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Bảo H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận Công ty trách nhiệm hữu hạn S tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cơ sở kinh doanh tại số 219 T, phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty trách nhiệm hữu hạn S đã nộp đủ.

3. Về án phí: Ông Trần Bảo H phải chịu 37.500.000đ (ba mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Công ty trách nhiệm hữu hạn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S số tiền 1.875.000đ (một triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2021/0006026 ngày 27 tháng 6 năm 2022; số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2021/0006025 ngày 27 tháng 6 năm 2022; số tiền 5.625.000đ (năm triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2022/0018452 ngày 02 tháng 3 năm 2023 và số tiền 18.300.000đ (mười tám

triệu, ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2023/0043634 ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Công ty trách nhiệm hữu hạn S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Bảo H, bà Trương Huệ Kinh có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND Q1;
- Chi cục THADS Q1;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Huỳnh Ngọc Tuấn**